

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1070/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 30 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết
của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Tờ trình số 23/TTr-SCT, ngày 23/5/2017 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 420/STP-KSTT ngày 22/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.
(Danh mục thủ tục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung được sửa đổi bổ sung
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước			
1	T-PYE-273619-TT	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	Thông tư số 168/2016/TT/BTC ngày 26/10/2016.
2	T-PYE-273651-TT T-PYE-276003-TT	Cấp phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.	

PHẦN II: NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước

1. Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

Bước 2: Nộp hồ sơ trực tiếp Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30; Chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ. (Trừ ngày thứ 7, Chủ nhật, ngày lễ, tết)

Bước 3: Trả kết quả tại Bộ phận một cửa theo các bước sau:

- Nộp giấy biên nhận;
- Nộp lệ phí
- Nhận kết quả

Thời gian trả kết quả: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30; Chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ. (Trừ ngày thứ 7, Chủ nhật, ngày lễ, tết).

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp đến bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:
 - Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;
 - Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);
 - Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

b). Số lượng hồ sơ: 02 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND cấp huyện.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có),

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1.8. Phí, Lệ phí:

+ Khu vực thành phố, thị xã 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Theo quy định Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;

- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

2. Cấp phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy đúng theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Thương nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân cấp huyện.

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu thương nhân hoàn thiện;

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Thời gian: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30; Chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (Trừ ngày thứ 7, Chủ nhật, ngày lễ, tết).

Bước 3: Trả kết quả tại Bộ phận một cửa theo các bước sau:

- Nộp giấy biên nhận;

- Nộp lệ phí, nhận kết quả;

Thời gian: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ 30; Chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ. (Trừ ngày thứ 7, Chủ nhật, ngày lễ, tết).

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp đến bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu theo mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư 60/2014/TT-BCT.

- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

- Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình.

- Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh).

- Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

- Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có),

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng.

- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính: Không

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

2.8. Phí, Lệ phí:

+ Khu vực thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Theo quy định Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

- Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

- Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố;

- Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 16/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa,

dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Ghi chú: *Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung*